TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

==========

Bản án số: 49/2017/DS-ST.
Ngày 27/9/2017.
V/v tranh chấp về:
"Yêu cầu chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Trường.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Tiến Dũng**
2. Ông **Nguyễn Công Phúc**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thị Thắm** – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc*"Yêu cầu chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1943 (Có mặt);
Trú tại: Số nhà 88, Thái Phiên, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Bích L – sinh năm 1976 (Có mặt);
Trú tại: Số nhà 423, Tiểu La, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
+ Bà Lê Thị H – sinh năm 1952 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
+ Ông Lê Văn V – sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
+ Ông Lê Văn X – sinh năm 1964 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Nam;
+ Bà Lê Thị X – sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Số nhà 299, Tiểu La, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
+ Ông Lê Xuân T – 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Số nhà 88, Thái Phiên, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
+ Lê Thanh Quý N – sinh năm 1984 (Vắng mặt);
Trú tại 2B-14-1 Hoàng Quốc Việt, phường P, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
+ Bà Lê Thị Hồng M – sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Số 101 Trần Huy Hiệu, phường K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày như sau:

Tôi và ông Lê Hồng K cưới nhau năm 1973, trong quá trình chung sống chúng tôi tạo dựng ngôi nhà cấp 4 có kết cấu tường xây, lợp ngói, nền gạch, phần đất và diện tích đất 512.8 m^2 mà ngôi nhà tọa lạc. Diện tích đất này đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 186, tờ bản đồ 28, trong đó 200m^2 đất ở và 312.8m^2 đất vườn. Trong quá trình chung sống tôi và ông K có 03 người con chung là Lê Xuân T – sinh năm 1974; Lê Thị Bích L – sinh năm 1976 và Lê Thị Hồng M – sinh năm 1978, ông Lê Hồng K với người vợ trước có 05 người con là Lê Thị H – sinh năm 1952, Lê Thanh T - sinh năm 1958 đã chết vào năm 1985 (ông T có 01 con là Lê Thanh Quý N); Lê Văn X – sinh năm 1964; Lê Thị X – sinh năm 1968 và Lê Văn V – sinh năm 1976. Đến ngày 07 tháng 3 năm 2014 ông K chết nhưng không để lại di chúc. Nay vì điều kiện khó khăn tôi muốn bán một phần diện tích đất của tôi để trang trải cuộc sống phần còn lại để dùng vào việc thờ cúng nhưng con Lê Thị Bích L không đồng ý phần đất và nhà còn lại để dùng vào việc thờ cúng mà phải chia theo quy định của pháp luật. Nay tôi yêu cầu Tòa giải quyết chia di sản thừa kế của ông K theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Lê Thị Bích L trình bày:

Mẹ Nguyễn Thị D và ba tôi ông Lê Hồng K là vợ chồng hợp pháp, trong quá trình chung sống ba mẹ tôi tạo dựng ngôi nhà cấp 4 có kết cấu tường xây, lợp ngói, nền gạch, phần đất và diện tích đất 512.8 m^2 mà ngôi nhà tọa lạc. Diện tích đất này đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 186, tờ bản đồ 28, trong đó 200 m^2 đất ở và 312.8 m^2 đất vườn. Trong quá trình chung sống ba mẹ tôi có 03 người con chung là Lê Xuân T – sinh năm 1974; Lê Thị Bích L – sinh năm 1976 và Lê Thị Hồng M– sinh năm 1978, ngoài ra ba tôi với người vợ trước tên là Nguyễn Thị T (đã chết năm 1977) có với nhau 05 người con là Lê Thị H – sinh năm 1952, Lê Thanh T - sinh năm 1958 đã chết vào năm 1985 (ông T có 01 con là Lê Thanh Quý N); Lê Văn X– sinh năm 1964; Lê Thị X – sinh năm 1968 và Lê Văn V – sinh năm 1976. Đến ngày 07 tháng 3 năm 2014 ba tôi chết nhưng không để lại di chúc. Nay tôi đề nghị tòa chia di sản thừa kế của ba tôi cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X, ông Lê Văn V, ông Lê Xuân T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị X, bà Lê Thị Hồng M thống nhất trình bày:

Mẹ Nguyễn Thị D và ba ông Lê Hồng K là vợ chồng, trong quá trình chung sống ông K, bà D tạo dựng ngôi nhà cấp 4 có kết cấu tường xây, lợp ngói, nền gạch, phần đất và diện tích đất 512.8 m^2 mà ngôi nhà tọa lạc. Diện tích đất này đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 186, tờ bản đồ 28, trong đó 200 m^2 đất ở và 312.8 m^2 đất vườn cho ông K, bà D. Trong quá trình chung sống ông K, bà D có 03 người con chung là Lê Xuân T – sinh năm 1974; Lê Thị Bích L – sinh năm 1976 và Lê Thị Hồng M – sinh năm 1978, ngoài ra ba chúng tôi có một người vợ trước tên là Nguyễn Thị T (Đã chết năm 1977) có với nhau 05 người con là Lê Thị H – sinh năm 1952, Lê Thanh T - sinh năm 1958 (Đã chết vào năm 1985, ông T có 01 con là Lê Thanh Quý N); Lê Văn X – sinh năm 1964; Lê Thị X – sinh năm 1968 và Lê

Văn V – sinh năm 1976. Đến ngày 07/3/2014 ba chúng tôi chết nhưng không để lại di chúc. Nay chúng tôi yêu cầu tòa chia di sản thừa kế của ba tôi cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Thanh Qúy N đã được Tòa án tống đoạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến tòa làm việc nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Quý N không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Lê Hồng K. Giao cho bà Nguyễn Thị Dsở hữu, sử dụng khối tài sản: Diện tích đất 478,7 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn thừa 278,7 m^2). Trên diện tích đất có tài sản: Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền gạch hoa, hiên đúc sê nô, trụ bê tông cốt thép, ô tơ cao 2,8m; Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền gạch men, tô tơ cao 2,5m; Bếp: Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền xi măng, ô tơ cao 2,1m; Nhà ngang, mái ngói, lợp tôn prôximăng, ô tơ cao 2,1m; Bếp củi: Nhà trệt, tường xây, mái lợp ngói, nền xi măng, ô tơ 1,8m; Công trình vệ sinh; Mái hiên lợp tôn prôximăng; Tường xây gạch ống 14,2m x 1,4m x 0,1m. Sau khi sở hữu, sử dụng khối tài sản trên bà Nguyễn Thị D phải chịu trách nhiệm thanh toán bằng tiền kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế được hưởng như sau:

- Thanh toán cho ông Lê Văn X 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho ông Lê Văn V 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho ông Lê Xuân T 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị H 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị X 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị Bích L 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị Hồng M 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho ông Lê Thanh Quý N 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X, Lê Văn V, Lê Xuân T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị X, bà Lê Thị Hồng M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Quý N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thời điểm mở thừa kế: Ông Lê Hồng K mất ngày 07/3/2014. Do vậy, thời điểm mở thừa kế của ông K là ngày 07/3/2014.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/5/2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông K, như phân tích về thời điểm mở thừa kế nêu trên, áp dụng Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông K còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về di sản thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất: Ông Lê Hồng K và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng, trong quá trình chung sống thì hai ông bà tạo dựng được khối tài sản là diện tích đất 512,8 m^2, số thửa 186, tờ bản đồ 28, đã được ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng K và bà Nguyễn Thị D, tại tổ 3 thị trấn L, huyện T. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạt thực tế thì diện tích đất được đo đạt là 478,7 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn thừa 278,7 m^2), so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì lệch thiếu 43,1 m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án về phía nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu Tòa chia di sản thừa kế là diện tích đất 478,7 m^2 ((trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn thừa 278,7 m^2). Trên diện tích đất 478,7 m^2 có: Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền gạch hoa, hiên đúc sê nô, trụ bê tông cốt thép, ô tơ cao 2,8m; Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền gạch men, tô tơ cao 2,5m; bếp: Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền xi măng, ô tơ cao 2,1m; Nhà ngang, mái ngói, lợp tôn prôximăng, ô tơ cao 2,1m; Bếp củi: Nhà trệt, tường xây, mái lợp ngói, nền xi măng, ô tơ 1,8m; Công trình vệ sinh; Mái hiên lợp tôn prôximăng; Tường xây gạch ống 14,2m x 1,4m x 0,1m. Khi ông Khanh chết thì một nữa tài sản này là di sản thừa kế của ông Khanh. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là sự thật khách quan. Khi ông K mất không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông K để lại được chia thừa kế theo pháp luật.

Theo kết quả định giá theo giá thị trường thì tổng trị giá di sản của ông K, bà D là: 1.427.296.000 đồng (gồm toàn bộ diện tích đất 478,7 m^2 trị giá 1.357.400.000 đồng, tài sản trên đất trị giá 69.896.000 đồng). Đây là tài sản chung của ông Lê Hồng K và bà Nguyễn Thị D trong thời kỳ hôn nhân nên tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị D là 50% khối tài sản chung là

713.648.000 đồng. Di sản thừa kế của ông Lê Hồng K để lại là 50% trong khối tài sản chung của vợ chồng là 713.648.000 đồng.

Về diện và hàng thừa kế: Tài liệu có trong hồ sơ và theo lời khai thống nhất của các đương sự thì ông K và bà D có 07 người con là ông Lê Văn X - sinh năm 1964; Lê Xuân T – sinh năm 1974; Lê Thị Bích L – sinh năm 1976 và Lê Thị Hồng M – sinh năm 1978; Lê Thị H – sinh năm 1952, Lê Thanh T - sinh năm 1958 (đã chết vào năm 1985, ông T có 01 con là Lê Thanh Quý N, ông T chết trước ông K nên con ông T là Lê Thanh Quý N là người thừa kế thế vị); Lê Thị X – sinh năm 1968 và Lê Văn V – sinh năm 1976. Hàng thứa kế thứ nhất của ông Lê Hồng K gồm 8 người và 01 người thừa kế thế vị.

Ông Lê Hồng K mất năm 2014, theo khoản 1 Điều 651, Điều 652 của BLDS 2015 thì hàng thừ kế thứ nhất của ông K gồm 09 người là bà D, ông X, ông V, ông T, bà H, bà X, bà L, bà M và người thừa kế thế vị là ông N. Do vậy phần di sản của ông K được chia theo luật sẽ chia đều cho 09 xuất là bà D, ông X, ông V, ông T, bà H, bà X, bà L, bà M và ông N. Di sản thừa kế do ông K để lại nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng ông K và bà D nên không thể chia theo hiện vật được mà giao toàn bộ phần di sản của ông K cho bà D sở hữu, sử dụng và bà D thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế.

Phần di sản được chia theo luật: Di sản của ông K để lại có giá trị và chia theo luật là 713.648.000 đồng : 9 phần = 79.294.000 đồng. Phần di sản bà D, ông X, ông V, ông T, bà H, bà X, bà L, bà M và người thừa kế thế vị là ông N mỗi người được hưởng là 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D, ông X, ông V, ông T, bà H, bà X, bà L, bà M và người thừa kế thế vị là ông N phải chịu án phí tương ứng đối với phần tài sản mà họ được hưởng.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều khoản 5 Điều 26, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản của ông Lê Hồng K. Giao cho bà Nguyễn Thị D sở hữu, sử dụng khối tài sản: Diện tích đất 478,7 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn thừa 278,7 m^2), trên diện tích đất có: Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền gạch hoa, hiên đúc sê nô, trụ bê tông cốt thép, ô tơ cao 2,8m; Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền gạch men, tô tơ cao 2,5m; Bếp: Nhà trệt, tường xây, mái ngói, nền xi măng, ô tơ cao 2,1m; Nhà ngang, mái ngói, lợp tôn prôximăng, ô tơ cao 2,1m; Bếp củi: Nhà trệt, tường xây, mái lợp ngói, nền xi măng, ô tơ 1,8m; Công trình vệ sinh; Mái

hiên lợp tôn prôximăng; Tường xây gạch ống: 14,2m x 1,4m x 0,1m (có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Sau khi sở hữu khối tài sản trên bà Nguyễn Thị D phải chịu trách nhiệm thanh toán bằng tiền kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế được hưởng như sau:

- Thanh toán cho ông Lê Văn X 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho ông Lê Văn V 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho ông Lê Xuân T 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị H 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị X 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị Bích L 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho bà Lê Thị Hồng M 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

- Thanh toán cho ông Lê Thanh Quý N 79.294.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm chín tư ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D, Lê Văn X, Lê Văn V, Lê Xuân T, Lê Thị Bích L, Lê Thị H, Lê Thị X, Lê Thị Hồng M, Lê Thanh Quý N mỗi người phải chịu 3.964.700 đồng (Ba triệu chín trăm sáu bốn ngàn bảy trăm đồng). Bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng y) theo biên lai thu số 0020305 ngày 24/5/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T nên được khấu trừ số tiền án phí bà D phải chịu. Hoàn lại cho bà D 2.285.300 đồng (hai triệu hai trăm tám lăm ngàn ba trăm đồng y) tiền tạm ứng án phí thừa.

Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Công Trường